

Số: 21/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L (L1)(Tên gọi cũ Ngân hàng TMCP B).

Trụ sở: Số L, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Chức vụ: Tổng Giám

đốc

Người đại diện theo uỷ quyền:

Anh Lê Phước H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Sa Đéc

Anh Nguyễn Sơn Lâm, anh Huỳnh Hữu P – Chuyên viên

Cùng địa chỉ: 2, đường N, phường C, Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Tấn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Anh Lê Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2005

Địa chỉ: Số B, khóm P, thị trấn C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lê Tấn T đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP L (L1) (Tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP B) số tiền vốn vay là nợ gốc 749.995.989 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.745.870 đồng, nợ lãi chậm trả gốc: 50.486.153 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.200.080 đồng tạm tính đến ngày 19/11/2025. Tổng cộng vốn, lãi 821.428.092 đồng. *(T1 trăm hai mươi một triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, không trăm chín mươi hai đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/11/2025, anh Lê Tấn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phạt chậm trả, lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD53C202475 ngày 20/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP L mà anh Lê Tấn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp (là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do anh Lê Tấn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở) theo hợp đồng thế chấp số HDTC53C202301 ngày 03/01/2023 để thu hồi nợ. Anh Lê Tấn T, anh Lê Nguyễn Thành Đ đồng ý tự nguyện đi đòi giao tài sản cho Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp anh Lê Tấn T trả nợ xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án, Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HDTC53C202301 ngày 03/01/2023 cho anh T. *(hiện Ngân hàng đang giữ)*

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự thỏa thuận:

Anh Lê Tấn T tự nguyện nộp 18.321.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.321.000đ theo biên lai số 0000293 ngày 07/01/2026 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000292 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng). Anh Lê Tấn T tự nguyện nộp. Do Ngân hàng đã nộp và chi xong nên anh T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền là 200.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh T2